SOFAR 3-6KTLM-G3

3 / 3.6 / 4 / 4.6 / 5 / 6 kW

Biến tần chuỗi 1 pha



Sản lượng cao

- Hiệu suất tối đa up to 98.4%
- Dual MPPT with 150% DC input overload capability
- Chức năng giới hạn công suất phát lên lưới

Thiết kế thân thiện

- Kết cấu nhỏ gọn và nhẹ
- Tự nhiên cooling with fanless, low-

Giao tiếp linh hoạt

- RS485 / Bluetooth
- Tùy chọn: Wi-Fi / Ethernet

© Tính đến tháng 11 năm 2025, SOFARSOLAR Co., Ltd. Hình ảnh màu sắc và hình dạng sản phẩm có thể khác với sản phẩm thực tế. SOFAR có quyền thay đổi hoặc cải tiến sản phẩm mà không cần thông báo trước. Thông tin đặt hàng áp dụng cho các nhà bán lẻ chuyên nghiệp. Tất cả thương hiệu hoặc logo là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng. Bảo lưu mọi quyền, thay đổi kỹ thuật và sai sót.

Model	SOFAR 3KTLM-G3	SOFAR 3.6KTLM-G3-J	SOFAR 3.6KTLM-G3	SOFAR 4KTLM-G3	SOFAR 4.6KTLM-G3	SOFAR 5KTLM-G3	SOFAR 5KTLM-G3-A	SOFAR 6KTLM-G3
Đầu vào (DC)								
Điện áp đầu vào tối đa	600V							
Điện áp đầu vào định mức	380V							
Điện áp khởi động	90V							
Dải điện áp hoạt động MPPT	80-550V							
Số MPPT	2							
Số đầu vào DC	1 for each MPPT							
Dòng điện MPPT đầu vào tối đa	15A / 15A							
Dòng ngắn mạch đầu vào tối đa	22.5A / 22.5A							
Đầu ra (AC)								
Công suất đầu ra định mức	3000W	3600W	3680W	4000W	4600W	5000W	5000W	6000W
Công suất biểu kiến tối đa	3300VA	3600VA	3680VA	4400VA	4600VA	5500VA	5000VA	6000VA
Tối đa Đầu ra current	15A	16A	16A	20A	23A	25A	21.7A	29A
Điện áp đầu ra định mức	L/N/PE, 230Vac							
Dải điện áp đầu ra	180-276Vac							
Tần số đầu ra định mức	50/60Hz							
Dải tần số đầu ra	45-55Hz / 55-65Hz							
Dải điều chỉnh công suất tác dụng	0-100%							
THDi	< 3%							
Hệ số công suất	0.8 dẫn-0.8 trễ							
Hiệu suất								
Hiệu suất tối đa	98.2%				98.4%			
European efficiency	97.3%				97.5%			
Bảo vệ								
DC reverse polarity protection	Có							
Bảo vệ chống đảo lưới	Có							
Bảo vệ dòng rò	Có							
Giám sát lỗi chạm đất	Có							
Giám sát lỗi chuỗi PV	Có							
DC switch	Có							
SPD	PV: Type III, AC: Type III							
Dữ liệu chung								
Dải nhiệt độ môi trường	-30˚C ~ +60˚C							
Tự tiêu thụ ban đêm	< 1 W							
Cấu trúc	Không biến áp							
Mức bảo vệ	IP65							
Dải độ ẩm tương đối cho phép	0-100%							
Độ cao hoạt động tối đa	4000m							
	Tự nhiên							
Kích thước (R×C×S)	349×344×164 mm							
	9.2 kg				10 kg			
Hiển thị	LCD & Bluetooth + APP							
Giao tiếp	RS485/Wi-Fi							
Tiêu chuẩn	IEC/EN 61000-6-2/3, IEC/EN 61000-3-2/3, IEC/EN 61000-3-11/12,IEC 62116, IEC 61727, IEC 61683, IEC 60068-1/2/14/30, IEC/EN 62109-1/2, VDE-AR-N 4105, VDE V 0126-1-1, C10/11, UNE 217002: 2020, G98/G99, EN 50549-1, ANRE 208							